TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 4 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Ông Lê Hữu Đại

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Trọng Hà- Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Mai Xuân T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm 1, làng T 1, xã K, huyện N, tỉnh Thanh hóa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993.

Nơi ĐHKTT: Làng T1, xã K, huyện N, tỉnh Thanh hóa.

Nơi ở hiện nay: Làng 11, xã K, huyện N, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên toà vắng mặt anh Tiến, chị P. Anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Pvắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Mai Xuân Ttrình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Pkết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 31/7/2013 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm về quản lý kinh tế trong gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm tới ai. Sự việc trên đã được hai bên gia đình nội, ngoại hoà giải nhưng không đạt kết quả. Từ đó anh và chị P đã chính thức sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Anh và chị P có một con chung là Mai Thiên T2, sinh ngày 10/4/2014, hiện nay đang ở cùng chị P. Nay anh đề nghị Tòa án giao cho chị Ptrực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ *(Một triệu đồng),* thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2023 đến khi con chung thành niên.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị Pđể làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Tnhưng chị P không có mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh qua chị Nguyễn Thị M là chị gái của chị P. Chị Mcho biết, chị Plà em gái ruột chị, hiện nay chị Pđi làm ăn xa ở các tỉnh phía Nam nên không thể về giải quyết việc ly hôn với anh Tđược. Chị Pđã được chị Mthông báo về nội dung anh Txin ly hôn; thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị Pthông qua chị M. Chị P đã trao đổi với chị M là đồng ý ly hôn với anh T, xin được nuôi con và thống nhất với mức cấp dưỡng và mốc thời gian do anh T đưa ra là 1.000.000đ/tháng; về tài sản chị Pkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); Anh Tđã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, chị Pkhông thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Anh Tcó đơn xin xét xử vắng mặt, chị Pđược triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn yêu cầu, anh Mai Xuân Tđược ly hôn chị Nguyễn Thị P. Giao cho chị Ptrực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Mai Thiên T2, sinh ngày 10/4/2014. Anh Tcấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Plà 1.000.000đ/tháng *(Một triệu đồng),* cho đến khi con chung thành niên; anh Tphải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận

định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị P đăng ký hộ khẩu thường trú tại làng T1, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh Mai Xuân T đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Pđã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt anh T, chị P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh Mai Xuân Tvà chị Nguyễn Thị Pcó đăng ký kết hôn ngày 31/7/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hoá là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá thực trạng về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi xảy ra mâu thuẫn anh, chị không tìm ra biện pháp khắc phục mà sống ly thân không quan tâm đến nhau. Anh Txác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Về phía chị Pcũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh T. HĐXX thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tvà chị Pđã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị Plà phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Tvà chị Pcó một chung Mai Thiên T2, sinh ngày 10/4/2014, hiện nay đang ở cùng chị P. Anh T tự nguyện để chị Ptrực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, từ tháng 4 năm 21023 đến khi con thành niên.

Về phía chị P không có mặt tại phiên tòa, nhưng thông qua người thân là chị Nguyễn Thị M (chị gái) đã thể hiện ý kiến đồng ý với ý kiến của anh Tvề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Mặt khác từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị Plà người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Thiên T2. Tuy không thu thập được ý kiến của cháu T2, nhưng qua ý kiến của của chị P thông qua chị M, thể hiện chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy, nên chấp nhận đề nghị của anh T và chị P. Giao cho chị Ptrực tiếp nuôi dưỡng con chung Mai Thiên T2, anh Tcấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu,nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Tiến phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, anh Mai Xuân Tđược ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Thiên T2, sinh ngày 10/4/2014 đến khi thành niên. Anh Tcấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2023 đến khi thành niên.

Anh Mai Xuân Tcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Mai Xuân Tphải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000485 ngày 09/02/2023, anh Tiến còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Tiến, chị Phương. Anh Tiến, chị Phương có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Tình